NGHIÊN CỨU THÀNH PHẦN SÂU, BỆNH HẠI PHỔ BIẾN, MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM SINH HỌC CỦA LOÀI RẦY NHẢY *Allocaridara malayensis* Crawford GÂY HẠI TRÊN CÂY SẦU RIÊNG TẠI TỈNH ĐẮK LẮK

Đỗ Minh Đức[1, *], Phạm Văn Toàn[2], Phạm Phúc Yên[2], Nguyễn Minh Việt[2], Lại Tiến Dũng[1]

[1] Viện Bảo vệ thực vật

[2] Viện Thuỷ điện và Năng lượng tái tạo

**Email: minhduc.bva@gmail.com*

TÓM TẮT

Kết quả của nghiên cứu đã xác định được thành phần các loài sâu và loại bệnh hại phổ biến trên cây sầu riêng tại tỉnh Đắk Lắk năm 2025 - 2026. Ghi nhận được 10 loài sâu hại, 1 loài nhện hại và 7 loại bệnh hại, trong đó loài rầy nhảy *Allocaridara malayensis*, mọt đục cành *Xyleborus similis,* bệnh xì mủ *Phytophthora palmivora* và bệnh chết ngược *Diaporthe durionigera* là những đối tượng thường xuyên xuất hiện trên vườn sầu riêng. Đối với kết quả nghiên cứu đặc điểm sinh học loài rầy nhảy: Loài rầy nhảy là loài biến thái không hoàn toàn, có 3 pha phát dục gồm: Trứng, ấu trùng và trưởng thành. Trứng được đẻ dưới mô lá non sầu riêng, khi lá bắt đầu mở xuất hiện những ấu trùng tuổi 1 loài rầy nhảy. Giai đoạn tuổi 3 đến tuổi 5 trên mình phủ lớp phấn sáp màu trắng và có 2 tua dài phía sau. Vòng đời kéo dài từ 18-21 ngày trong điều kiện phòng thí nghiệm.

Từ khoá: *Sầu riêng, sâu, bệnh hại, rầy nhảy, Đắk Lắk.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sầu riêng (*Durio zibethinus* Murr) thuộc họ Mavaceae, có nguồn gốc từ quần đảo Mã Lai (Malay Archipelago), gồm: Sumatra, Java, Borneo, Philippines, New Guinea, là loại cây ăn quả nhiệt đới rất được ưa chuộng ở các nước Đông Nam Á [1].

Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2025) [2], diện tích trồng sầu riêng cả nước năm 2024 đạt gần 180.000 ha, sản lượng ước đạt 1,5 triệu tấn, kim ngạch xuất khẩu khoảng 3,2 tỷ USD, chiếm gần 50% tổng giá trị xuất khẩu rau quả. Sầu riêng đang được trồng tập trung tại các tỉnh thuộc Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL).

Hiện nay, trước bối cảnh biến đổi khí hậu, áp lực mở rộng sàn xuất đối với cây sầu riêng ngày càng gia tăng đã ghi nhận được nhiều các đối tượng gây hại tại khắp các vùng trồng sầu riêng trên cả nước. Kết quả điều tra năm 2019-2020, tại các tỉnh Tây Nguyên gồm: Đăk Lắk, Đắk Nông cũ và Gia Lai, đã ghi nhận 23 loài sâu hại, trong đó tỉnh Đắk Lắk ghi nhận được số loài sâu hại nhiều nhất (23 loài), đứng thứ 2 là tỉnh Đắk Nông cũ ghi nhận được 17 loài và ít nhất là tỉnh Gia Lai ghi nhận được 16 loài sâu hại, 2 loài ghi nhận gây hại nặng nhất là rầy nhảy *Allocaridara malayensis* Crawford và loài rệp sáp bột hai tua dài *Ferrisia virgata Cockerel* [3]. Tại tỉnh Lâm Đồng cũng đã ghi nhận được 12 loài sâu hại và 10 loài bệnh hại phổ biến trên các giống sầu riêng [4].

Trong số các loài sâu hại gây hại trên sầu riêng, loài rầy nhảy *Allocaridara maleyensis* Crawford là một trong những đối tượng nguy hại nhất chúng thường xuyên xuất hiện trên tán lá cây. Từ giai đoạn ấu trùng đến trưởng thành đều hút nhựa của lá non, cản trở sự phát triển của cây. Lá non bị rầy gây hại có hình dạng cong queo, nhỏ hơn bình thường và cuối cùng bị rụng xuống, dễ nhận thấy khi cây sầu riêng xuất hiện những chồi lá mới [5].

Hiện nay, để quản lý các loại sâu, bệnh hại trên các loại cây trồng nói chung và sầu riêng nói riêng, người dân đa phần vẫn sử dụng phương pháp xử lý định kỳ, qua đó sẽ dẫn đến không trùng phớp thời điểm bùng phát dịch. Ngày nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất nông nghiệp rất quan trọng. Trong đó, việc ứng dụng công nghệ IoT trong giám sát và cảnh báo dịch hại có ý nghĩa quan trọng trong nâng cao tính chủ động của công tác bảo vệ thực vật.

Thông qua hệ thống cảm biến và thiết bị giám sát kết nối internet, các dữ liệu về điều kiện môi trường và diễn biến dịch hại có thể được thu thập liên tục, phân tích và truyền tải kịp thời đến người sản xuất và cán bộ kỹ thuật.

Kết quả nghiên cứu về mức độ phổ biến của các loài sâu, bệnh xuất hiện trên cây sầu riêng và đặc điểm sinh học và sinh thái học của loài rầy nhảy *Allocaridara maleyensis* Crawford làm cơ sở nghiên cứu khoa học và có biện pháp quản lý hiệu quả, giúp sầu riêng đạt chất lượng cao, phục vụ xuất khẩu và phát triển bền vững.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu, đối tượng nghiên cứu

- Giống sầu riêng Ri6 và Dona đang trồng phổ biến tại tỉnh Đắk Lắk.

- Nhóm sâu, bệnh hại chính thu từ vườn sầu riêng của tỉnh Đắk Lắk.

- Các loại dụng cụ thí nghiệm phục vụ nuôi sinh học sâu hại và phân lập, nuôi cấy bệnh hại trong phòng thí nghiệm.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Các mẫu sâu, bệnh hại được sao sánh với bộ mẫu tại Viện Bảo vệ thực vật và các tài liệu định danh loài, bao gồm các thông số hình dạng, màu sắc, kích thước và đặc điểm phân biệt giới tính.

Điều tra theo phương pháp của Viện Bảo vệ thực vật (1997) [6] và TCVN 13268-4:2021 [7].

+ Đối với các loài sâu hại chính: Điều tra 10 ngày/lần, các điểm điều tra ở mỗi vườn được lấy theo đường chéo góc khoảng 20-50 cây tùy theo cây to hay nhỏ, tuổi non hay già. Việc điều tra, thu thập mẫu vật được tiến hành trên cây sầu riêng tại các vườn khác nhau, trồng tập trung, hoặc trồng xen với các loài cây trồng khác như: Cà phê, tiêu. Mức độ xuất hiện của các loài được đánh giá theo tần suất như sau: 0: Không bắt gặp; -: Tần suất bắt gặp <5%; +: Tần suất bắt gặp 5-25%; ++: Tần suất bắt gặp 26-50%; +++: Tần suất bắt gặp >50%.

+ Đối với nghiên cứu đặc điểm sinh học loài sâu hại: Thu mẫu và nhân nuôi cá thể: Thu toàn bộ các pha phát dục của loài sâu hại chính trên cây sầu riêng, mang về phòng thí nghiệm để cho vũ hoá thu trưởng thành, sau đó tiến hành ghép đôi và cho đẻ trứng. Số mẫu được ghép đôi và tiến hành theo dõi tối thiểu là 30 mẫu cho mỗi đợt thí nghiệm. Tính số trứng đẻ/con cái, tỷ lệ và thời gian trứng nở, thời gian các tuổi của ấu trùng, thời gian đẻ trứng, thời gian sống của trưởng thành và vòng đời của chúng ở các điều kiện thí nghiệm khác nhau.

Mô tả đặc điểm hình thái: Dựa vào các đặc điểm hình thái bên ngoài như: Kích thước, hình dạng, màu sắc, cấu tạo và các đặc điểm đặc trưng của từng pha phát dục (trứng, ấu trùng và trưởng thành) để nhận biết và mô tả các giai đoạn phát triển của đối tượng nghiên cứu.

+ Đối với các loài bệnh hại chính: Thu thập tất cả các mẫu bệnh trên cây sầu riêng ngoài đồng ruộng tại tỉnh Đắk Lắk; phân lập các mẫu bệnh hại trong phòng thí nghiệm theo phương pháp của Viện Bảo vệ thực vật (1997) [6]; định danh các mẫu phân lập bệnh.

- Các loài sâu, bệnh hại thu thập được đếm số lượng cá thể, tính toán mức độ xuất hiện, phổ biến của từng loài theo tần suất xuất hiện của chúng:

$$\text{Tần suất xuất hiện loài A} = \frac{\text{Số lần thu được loài A}}{\text{Tổng số lần thu mẫu}} \times 100$$

- Mức độ phổ biến: Đánh giá mức độ phổ biến của các loài sâu, bệnh hại căn cứ vào độ bắt gặp của chúng trên đồng ruộng tại mỗi đợt điều tra, trong đó:

$$\text{Độ bắt gặp (\%)} = \frac{\text{Số điểm bắt gặp}}{\text{Tổng số điểm điều tra}} \times 100$$

2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 10 năm 2025 đến tháng 5 năm 2026.

- Địa điểm: Xã Ea Kiết, Ea Ngai và phường Buôn Hồ tỉnh Đắk Lắk.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thành phần sâu, bệnh hại trên cây sầu riêng và mức độ gây hại

3.1.1. Thành phần các loài sâu hại trên cây sầu riêng tại các xã vùng Tây Bắc của tỉnh Đắk Lắk

Kết quả điều tra năm 2025-2026 đã ghi nhận được 10 loài sâu hại và 1 loài nhện gây hại trên cây sầu riêng tại tỉnh Đắk Lắk, chúng gây hại trên hầu hết các bộ phận của cây. Trong đó, các loài mọt đục cành *Xyleborus similis* Ferari và rầy nhảy *Allocaridara maleyensis* Crawford là những loài gây hại mạnh nhất trong năm.

Năm 2017, tại các tỉnh: Đắk Lắk, Gia Lai và Đắk Nông (nay thuộc tỉnh Lâm Đồng) đã ghi nhận 21 loài sâu hại, đối tượng sâu hại quan trọng nhất là rệp sáp bột hai tua dài *Ferrisia virgata*, rầy nhảy *Allocaridara maleyensis* và sâu đục quả *Conogethes punctiferalis* [8]. Năm 2023, tại tỉnh Lâm Đồng, đã ghi nhận được 12 loài sâu hại trên cây sầu riêng, trong đó rệp sáp giả *Planococcus minor* và sâu đục quả *Conogethes punctiferal* là 2 loài gây hại nghiêm trọng nhất [4].

Bảng 1. Thành phần sâu hại trên cây sầu riêng tại tỉnh Đắk Lắk (năm 2025-2026)

TT	Tên thường gọi	Tên khoa học	Họ	Tần suất bắt gặp	Bộ phận hại
I	Bộ cánh cứng - Coleoptera				
1	Mọt đục cành	*Xyleborus similis* Ferari	Curculionidae	+++	Thân, cành
2	Mọt đục cành	*Xyleborus formicatus Eichh.*	Curculionidae	-	Thân
3	Sâu đục thân	*Batocera rufomocalata* De Geer	Cerambycidae	+	Thân, cành
II	Bộ cánh vảy - Lepidoptera				
4	Sâu đục quả	*Conogethes punctiferalis*	Crambidae	++	Quả, cuống quả
III	Bộ cánh đều - Homoptera				
5	Rệp sáp bột hai tua dài	Ferrisia virgata (Cockerel)	Pseudococcidae	++	Cành, lá, hoa, quả
6	Rầy nhảy	*Allocaridara maleyensis* Crawford	Psyllidae	+++	Lá
7	Rầy xanh hai chấm	*Amrasca biguttula*	Psyllidae	++	Lá
8	Rệp sáp giả đuôi dài	*Pseudococcus* sp.	Pseudococcidae	+	Lá, hoa, quả, cuống quả
9	Rệp sáp giả cam	*Planococcus citri*	Pseudococcidae	++	Lá, hoa, quả, cuống quả
IV	Bộ cánh tơ: Thysanoptera				
10	Bọ trĩ	*Scirtothrips dorsalis* Hood	Thripidae	++	Lá, hoa
V	Bộ nhện nhỏ - Arachnida				
11	Nhện đỏ	*Tetranychus* sp.	Tetranychidae	++	Lá

Ghi chú: ++++: Rất cao >50%; +++: Cao 30-50%; ++: Trung bình 10-30%; +: Mức độ xuất hiện thấp 5-10%; - Rất thấp <5%; 0: Không ghi nhận.

So sánh với kết quả nghiên cứu của Bùi Văn Dũng và cs (2023) [3], tại tỉnh Đắk Lắk, những loài sâu hại như rầy nhảy, nhện đỏ hay một số loài rệp sáp vẫn gây hại nặng trên cây sầu riêng. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra năm 2025-2026 đã ghi nhận loài mọt đục cành *Xyleborus similis* gây hại mạnh trên sầu riêng tại tỉnh Đắk Lắk. Theo Lương Thị Duyên và cs (2018) [9], tại tỉnh Vĩnh Long cũng ghi nhận được *X. similis* gây hại phổ biến trên sầu riêng, tấn công chủ yếu vào phần gốc, thân và cành chính. Chúng gây hại mạnh vào mùa mưa, khi độ ẩm tăng cao, tại vị trí vết mọt gây hại thường đi kèm các loại nấm bệnh khác tấn công vào thân cành, bị nặng có thể làm khô cành, dẫn đến phải cưa bỏ.

3.1.2. Thành phần các loại bệnh hại trên cây sầu riêng

Năm 2023, tại tỉnh Lâm Đồng đã ghi nhận được 10 loại bệnh hại thường xuyên xuất hiện trên cây sầu riêng. Các loại bệnh xì mủ và bệnh vàng lá thối rễ là những bệnh thường xuyên bắt gặp tại hầu hết các điểm điều tra với mức độ gây hại cao (tần suất bắt gặp từ 20-50%). Bệnh thường gây hại nặng ở giai đoạn ra hoa đậu quả non đến giai đoạn thu hoạch [5].

TT	Tên thường gọi	Tên khoa học	Tần suất bắt gặp	Bộ phận hại
1	Nứt thân xì mủ	*Phytophthora palmivora*	+++	Rễ, thân, cành
2	Chết ngược	*Diaporthe durionigera*	++	Cành, ngọn
3	Thán thư (cháy lá)	*Collectotrichum siamemse*	+	Lá

4	Đốm rong	*Cephaleuros viescens*	+	Lá
6	Đốm lá	*Lasiodiplodia* sp.	+	Lá
7	Thối quả	*Fusarium* sp.	-	Quả

Ghi chú: ++++: Rất cao >50%; +++: Cao 30-50%; ++: Trung bình 10-30%; +: Mức độ xuất hiện thấp 5 -10%; - Rất thấp <5%; 0: Không ghi nhận

Kết quả nghiên cứu đã ghi nhận được 4 loại bệnh gây hại chính gồm: Bệnh xì mủ, cháy lá (thán thư), chết ngược và đốm rong. Kết quả trên tương tự với kết quả của Phạm Thị Thu Trang và cs (2025) [4], bệnh xì mủ do nấm *Phytophthora palmivora* gây hại nặng trên vườn sầu riêng, bệnh gây hại nặng nhất vào mùa mưa trong năm. Bên cạnh đó, bệnh chết ngược do nấm *Diaporthe durionigena* cũng đang diễn biến phát triển mạnh trên vườn sầu riêng, là một trong những bệnh nguy hại nhất trong một vài năm trở lại đây, tương đồng với kết quả nghiên cứu của Cục thông tin Thống kê (2025) [8] , năm 2017 đã xác định được 10 loại bệnh thường gặp và gây hại chính trên cây sầu riêng tại 3 tỉnh: Đắk Lắk, Đắk Nông và Gia Lai. Trong đó, bệnh xì mủ do nấm *Phytophthora palmivora* và bệnh chết ngược do nấm *Diaporthe durionigena* gây ra là những bệnh hại chính.

3.2. Đặc điểm sinh học loài rầy nhảy *Allocaridara maleyensis* hại sầu riêng

3.2.1. Tập tính hoạt động và gây hại

Rầy nhảy phát triển mạnh vào các tháng mùa khô, khí hậu ấm áp, mật độ của chúng giảm đáng kể trong mùa mưa. Cả rầy non và rầy trưởng thành đều chích hút dịch trên đọt non, lá, hoa và quả non. Khi mới bị gây hại các vết chích thường có các đám màu tráng nhạt sau đó chuyển màu nâu, dần bị khô và làm cho lá non cong queo, có thể bị rụng lá hàng loạt,

3.2.2. Đặc điểm hình thái học

Loài rầy nhảy *Allocaridara maleyensis* là loài biến thái không hoàn toàn, có 3 pha phát dục gồm: Trứng, ấu trùng và trưởng thành. Giai đoạn ấu trùng có 5 tuổi với 4 lần lột xác.

Trứng: Trên mỗi lá sầu riêng có từ 15-20 quả trứng, được đẻ rời rạc dưới mô lá non khi lá chưa mở, có hình bầu dục, nhọn một đầu, màu vàng cam, kích thước trung bình 0,43 mm.

Ấu trùng: Có 5 tuổi với 4 lần lột xác. Tuổi một và tuổi 2 có màu vàng cam, di chuyển chậm, kích thước rất nhỏ, tuổi 3 đến tuổi 5 trên cơ thể bao phủ một lớp phấn sáp và có tua dài phía sau, gấp 13-1,5 lần chuyển dài cơ thể. Kích thước tăng dần qua các lần lột xác từ 0,51 - 2,21 mm.

Trưởng thành: Có râu đầu dạng sợi chỉ, đôi cành ngoài trong suốt và dài hơn chiều dài thân. Trưởng thành cái có màu vàng kích thước lớn hơn trưởng thành đực (trung bình 2,73 mm), phần bụng có máng để trứng màu đen, trong khi đó trưởng thành đực có màu xanh nhạt kích thước trung bình đạt 2,38 mm.



Hình 1. Các pha phát dục của loài rầy nhảy *Allocaridara maleyensis* trên sầu riêng

Ghi chú: a - Trứng; b, c, d, e, f - Ấu trùng tuổi 1-5; g - Trưởng thành cái; h-Trưởng thành đực; I-Trưởng thành mới vũ hoá

3.2.3. Đặc điểm sinh học

Bảng 3. Thời gian phát triển các pha và vòng đời của rầy nhảy trên cây sầu riêng Dona tại Viện Bảo vệ thực vật năm 2026

Các pha phát dục		Thời gian phát dục (ngày)	Điều kiện thí nghiệm
Trứng		3,52±0,78	Nhiệt độ: 26,75°C±2,45 Ẩm độ: 81,98%±6,36
Rầy non	Tuổi 1	1,09±0,07	
	Tuổi 2	1,18±0,15	

	Tuổi 3	2,23±0,24	
	Tuổi 4	2,42±0,32	
	Tuổi 5	4,26±0,37	
Thời gian sống của trưởng thành	Đực	4,12±0,74	
	Cái	6,23±0,43	
Thời gian vòng đời	Đực	18,82±2,67	
	Cái	20,93±2,36	

Ghi chú: Số cá thể thí nghiệm n=30.

Ở điều kiện phòng thí nghiệm, với thức ăn là cây sầu riêng Dona, pha rầy non của rầy nhảy có 5 tuổi. Thời gian phát triển các tuổi rầy non gia tăng theo tuổi của chúng: Rầy non tuổi 1 có thời gian phát triển ngắn nhất và rầy non tuổi 5 có thời gian phát triển dài nhất (4-5 ngày), các tuổi 2, 3 và 4 của rầy non kéo dài từ 1-3 ngày. Thời gian phát triển rầy non là từ 10-12 ngày (Bảng 3).

Thời gian vòng đời kéo dài trung bình từ 18 - 21 ngày, bên cạnh đó theo ghi nhận của Sukritta Anutrakunchai và cs (2023) [10], vòng đời loài rầy nhảy dao động từ 15 - 20 ngày. Một trưởng thành cái có thể đẻ từ 25 - 30 trứng. Thời gian đẻ trứng trung bình của trưởng thành cái biến động từ 3 - 5 ngày. Khả năng đẻ trứng trung bình của trưởng thành cái trong 1 ngày biến động từ 3 - 6 trứng. Trưởng thành đực có tuổi thọ ngắn hơn trưởng thành cái. Trong điều kiện phòng thí nghiệm tuổi thọ của trưởng thành đực trung bình là 4 - 6 ngày và của trưởng thành cái là 6 - 7 ngày (Bảng 4).

Bảng 4. Sức đẻ trứng của trưởng thành cái loài rầy nhảy trên cây sầu riêng Dona tại Viện Bảo vệ thực vật năm 2026

Chỉ tiêu theo dõi	Biến động	Trung bình	Điều kiện thí nghiệm
Thời gian đẻ trứng (ngày)	3-5	3,76±0,49	Nhiệt độ: 26,75^{o}C±2,45 Ẩm độ: 81,98%±6,36
Sức đẻ trong 1 ngày (quả)	3-6	4,07±0,82	
Sức đẻ trứng (quả)	25-30	27±2,89	

Ghi chú: Số cá thể thí nghiệm n=30.

3.3. Đánh giá chung về tình hình sâu, bệnh hại trên sầu riêng tại tỉnh Đắk Lắk

Tổng hợp các kết quả trên cho thấy, thành phần sâu, bệnh hại trên cây sầu riêng tại tỉnh Đắk Lắk có nhiều điểm tương đồng với các vùng sản xuất sầu riêng khác trong cả nước, đặc biệt là sự hiện diện của các loài rầy nhảy *A. malayensis*, mọt đục cành *X. similis*, sâu đục quả *C. punctiferalis* và các loại bệnh hại như: Nứt thân xì mủ *P. palmivora*, chết ngược *D. durionigena*. Tuy nhiên, mức độ phổ biến và vai trò của từng loài có sự thay đổi giữa các vùng và giữa các thời kỳ điều tra. Tại tỉnh Đắk Lắk, trong giai đoạn 2025-2026, loài mọt đục cành và rầy nhảy nổi lên là hai đối tượng sâu hại gây hại mạnh, trong khi bệnh xì mủ và bệnh chết ngược tiếp tục là những bệnh cần đặc biệt quan tâm. Kết quả này là cơ sở quan trọng để xác định các đối tượng dịch hại chủ lực và xây dựng biện pháp quản lý phù hợp với điều kiện sinh thái, mùa vụ và đặc điểm sản xuất sầu riêng tại tỉnh Đắk Lắk.

4. KẾT LUẬN

Đã ghi nhận được 11 loài sâu hại và nhện hại trên cây sầu riêng, trong đó các loài mọt đục cành *Xyleborus similis* và rầy nhảy *Allocaridara maleyensis* là những loài gây hại mạnh nhất trong năm. 7 loại bệnh hại, trong đó, bệnh xì mủ do nấm *Phytophothora palmivora* và bệnh chết ngược do nấm *Diaporthe durionigera* là 2 loại bệnh chủ yếu trên sầu riêng.

Đã xác định được đặc điểm hình thái và đặc điểm sinh học của loài rầy nhảy *Allocaridara maleyensis* trong điều kiện phòng thí nghiệm tại Viện Bảo vệ thực vật. Loài rầy nhảy có 3 pha phát dục gồm: Trứng, ấu trùng và trưởng thành. Vòng đời kéo dài từ 18-21 ngày trong điều kiện nhiệt độ: 26,75^{o}C±2,45 và ẩm độ: 81,98%±6,36.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Morton, J. (1987). Durian - *Durio zibethinus* L. *Fruits of warm climates*. 287 - 291. www.hort.purdue.ed/newcrop.

[2]. Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2025). Thủ tướng chỉ đạo quản lý chặt diện tích, mã số vùng trồng sầu riêng. https:// mae. gov. vn/ thu- tuong- chi- dao- quan- ly-chat-dien-tich-ma -so -vung -trong -sau -rieng-18345. htm. Truy cập ngày 29/9/2026.

[3]. Bùi Văn Dũng, Nguyễn Văn Liêm, Bùi Thị Hải Yến, Nguyễn Thị Thanh Hoa (2023). *Thành phần loài sâu hại cây sầu riêng ở vùng Tây Nguyên*. Hội nghị côn trùng học Quốc gia lần thứ 11 - Hà Nội năm 2023, trang 255-261.

[4]. Phạm Thị Thu Trang, Khúc Duy Hà, Lại Tiến Dũng, Đỗ Xuân Đạt, Đỗ Minh Đức, Đặng Thanh Thúy, Nguyễn Thị Thu Thắm, Võ Văn Hoanh (2025). Thực trạng sản xuất, canh tác và sâu, bệnh hại trên cây sầu riêng tại tỉnh Lâm Đồng. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, 4*(164), 72-79.

[5]. Wiangsamut, B. (2024). Thai durian varieties, pests, diseases, and flowering induction. *Chanthaburi, Thailand: Rajamangala University of Technology Tawan-Ok.* 324 pp.

[6]. Viện Bảo vệ thực vật (1997). *Phương pháp nghiên cứu bảo vệ thực vật. Tập 1: Phương pháp điều tra cơ bản dịch hại nông nghiệp và thiên địch của chúng.* Nxb Nông nghiệp, Hà Nội. 99 trang.

[7]. Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13268-4:2021. Bảo vệ thực vật - Phương pháp điều tra sinh vật gây hại - Phần 4: Nhóm cây ăn quả.

[8]. Cục Thông tin Thống kê (2025). *Báo cáo kết quả nghiên cứu giải pháp khoa học và công nghệ tổng hợp phòng trừ bệnh héo ngọn chết cây và một số sâu bệnh chính hại sầu riêng tại Đắk Lắk và một số tỉnh vùng Tây Nguyên. Mã số 20760/2022.*

[9]. Lương Thị Duyên, Võ Minh Mẫn, Đặng Thị Kim Uyên, Nguyễn Văn Hòa (2018). Xây dựng mô hình quản lý tổng hợp mọt (*Xyleborus fornicatus, Xyleborus similis*) và sâu đục thân/cành (*Plocaederus ruficornis, Sybulus* sp.) trên cây xoài và sầu riêng tại Vĩnh Long. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, 1*(86), 54-59.

[10]. Sukritta Anutrakunchai, Therdpong Sutthiapapong, Pravej Chansiri and Titi Thongkamngam (2023). Effect of indigenous *Beauveria bassiana* on the control of *Allocaridala maleyensis* (Crawford) in durian plantation areas in eastern region. *King Mongkut's Agr. J, 41*(3), 213-222

STUDY ON THE COMPOSITION OF COMMON PESTS AND DISEASES AND SOME BIOLOGICAL CHARACTERISTICS OF *Allocaridara malayensis* Crawford CAUSING DAMAGE TO DURIAN IN DAK LAK PROVINCE

Do Minh Duc[1], Pham Van Toan[2], Pham Phuc Yen[2], Nguyen Minh Viet[2], Lai Tien Dung[1]

[1] *Plant Protection Research Institute*

[2] *Institute for Hydro Power and Renewable Energy*

Abstract

The results of this study is to identified the composition of common insect pests and diseases affecting durian trees in Dak Lak province during 2025-2026. A total of 10 insect pest species 1 mite species and 7 diseases were recorded. Among them, the psyllid *Allocaridara maleyensis*, the borer beetle *Xyleborus similis*, gummosis stem canker caused by *Phytophthora palmivora* and shoot dieback caused by *Diaporthe durionigera* were the most frequently occurring problems observed in the durian canopy. Results regarding the biological characteristics of the psyllid louse showed that this species undergoes incomplete metamorphosis, consisting of three developmental stages: Egg, nymph and adult. Eggs are laid beneath the tissues of young durian leaves and first-instar nymphs emerge when the leaves begin to unfold. From the third to the fifth instar, the nymphs are covered with a white waxy powder and possess two long filaments at the posterior end of the body. Under laboratory conditions, the life cycle is recorded as lasting 18 days to 21 days.

Keywords: *Durian, pests and diseases, durian psyllids, Dak Lak province.*

Ngày nhận bài: 11/6/2026

Ngày chuyển phản biện: 25/6/2026

Ngày thông qua phản biện: 10/8/2026

Ngày duyệt đăng: 10/9/2026